

DECREE

ON GUIDELINES FOR CERTAIN NUMBER OF ARTICLES OF THE INTELLECTUAL PROPERTY LAW AND LAW ON AMENDMENTS TO THE INTELLECTUAL PROPERTY LAW 2009 IN TERMS OF THE COPYRIGHT AND RELATED RIGHTS

(Quy định chi tiết 1 số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Luật SHTT năm 2009 về quyền tác giả và quyền liên quan)

Pursuant to the Law on Government Organization dated June 19, 2015;

(Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015)

Pursuant to the Law on Intellectual Property dated November 29, 2005 and Law on amendments to the Law on Intellectual Property dated June 19, 2009;

(Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009)

At the request of the Minister of Culture, Sports and Tourism;

(Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

The Government promulgates a Circular on guidelines for certain number of articles of the Intellectual Property Law and Law on amendments to the Intellectual Property Law 2009 in terms of the copyright and related rights.

(Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan)

Chapter I

GENERAL PROVISIONS (NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG)

Article 1. Scope (Phạm vi điều chỉnh)

This Decree provides guidelines for certain number of articles of the Intellectual Property Law and Law on amendments to the Intellectual Property Law 2009 (hereinafter referred to as the Intellectual Property Law in terms of the copyright and related rights.

(Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 (sau đây gọi chung là Luật sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan).

Article 2. Regulated entities (Đối tượng áp dụng)

This Decree applies to: *(Nghị định này áp dụng đối với:)*

1. Authors, copyright owners, performers, related right owners in accordance as prescribed in the Intellectual Property Law.

(Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ)

2. Other entities in connection with copyright and related rights.

(Tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan)

3. Competent authorities in charge of copyright and related rights.

(Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan)

Article 3. Interpretation of terms (Giải thích từ ngữ)

For the purposes of this Decree, these terms below shall be construed as follows:

(Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau)

1. “posthumous works” means those first published after their authors’ death.
(Tác phẩm di cảo là tác phẩm được công bố lần đầu sau khi tác giả chết)
2. “anonymous works” means those published without indicating or having not indicated their authors’ names (real names or pseudonyms) thereon.
(Tác phẩm khuyết danh là tác phẩm không hoặc chưa có tên tác giả (tên khai sinh hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố)
3. “fixation” means the expression in written languages, other characters, lines, three-dimensional figures, layouts, colors, sounds, images or the reproduction of sounds or images in whatever material form from which a work can be perceived, reproduced or otherwise communicated.
(Định hình là sự biểu hiện bằng chữ viết, các ký tự khác, đường nét, hình khối, bố cục, màu sắc, âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện âm thanh, hình ảnh dưới dạng vật chất nhất định để từ đó có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt)
4. “original of works” means versions presented in any material medium in which the creation of such works has been first fixed.
(Bản gốc tác phẩm là bản được tồn tại dưới dạng vật chất mà trên đó việc sáng tạo tác phẩm được định hình lần đầu tiên)
5. “copies of works” means directly or indirectly reproduced versions of the entire or part of works by any mean or form.
(Bản sao của tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào)
6. “phonograms and video recordings” means fixations of sounds and images of performances or other sounds and images or the reproduction of sounds and images not in fixed forms as part of cinematographic works or other works made by similar method.
(Bản ghi âm, ghi hình là bản định hình các âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác hoặc việc định hình sự tái hiện lại các âm thanh, hình ảnh không phải dưới hình thức định hình gắn với tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự)
7. “copies of phonograms and video recordings” means directly or indirectly reproduced versions of the entire or part of fixed phonograms and video recordings made by any mean or form.
(Bản sao của bản ghi âm, ghi hình là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào)
8. “publication of fixed performances or phonograms and video recordings” means the public presentation of copies of such fixed performances or phonograms and video recordings with the consent of related rights holders.
(Công bố cuộc biểu diễn đã định hình hoặc bản ghi âm, ghi hình là việc phát hành các bản sao của cuộc biểu diễn đã được định hình hoặc bản ghi âm, ghi hình tới công chúng với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền liên quan)
9. “retransmission” means the transmission of rebroadcasting or relay by one broadcasting organization.
(Tái phát sóng là việc truyền dẫn phát sóng lại hoặc tiếp sóng chương trình của một tổ chức phát sóng)

10. “encrypted program carrying satellite signals” means program carrying signals transmitted by satellites in whatever forms in which phonogram or visual features or both have been changed so as to prevent those not having legal satellite signal decoder from illegally recording of the program transmitted in that signal.

(Tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hóa là tín hiệu vệ tinh mang chương trình được truyền đi mà một trong hai đặc tính âm thanh, hình ảnh hoặc cả hai đặc tính này đã được biến đổi, thay đổi nhằm mục đích ngăn cản những người không có thiết bị giải mã tín hiệu vệ tinh hợp pháp thu trái phép chương trình truyền trong tín hiệu đó)

11. “work of a foreign organization or individual first published in Vietnam” means a work which is not yet published elsewhere prior to its publication in Vietnam.

(Tác phẩm của tổ chức, cá nhân nước ngoài được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam là tác phẩm chưa được công bố ở bất kỳ nước nào trước khi công bố tại Việt Nam)

12. “simultaneous publication” means the publication of a foreign organization's or individual's work in Vietnam within 30 days after it is first published elsewhere.

(Công bố đồng thời là việc công bố tác phẩm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tác phẩm đó được công bố lần đầu tiên ở bất kỳ nước nào)

13. “royalty” means payment is made by user of a work to the author or copyright owner if the copyright owner is not the author.

(Nhuận bút là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả trong trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả không đồng thời là tác giả)

14. "remuneration” means a sum of money that an intended user of work pays to the copyright owner or a user of performance pays to the performer or owner of performance.

(Thù lao là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho chủ sở hữu quyền tác giả; bên sử dụng cuộc biểu diễn trả cho người biểu diễn hoặc chủ sở hữu cuộc biểu diễn)

15. “material benefits” means a sum of money paid by a party that uses a phonogram or video recording to its producer or by a party that uses a broadcast to the broadcasting organization.

(Quyền lợi vật chất là khoản tiền do bên sử dụng bản ghi âm, ghi hình trả cho nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, bên sử dụng chương trình phát sóng trả cho tổ chức phát sóng)

16. “other material benefits” means economic advantages which authors, copyright owners and related right holders are entitled to, in addition to royalty, remuneration, and material benefits, such as prizes, gift books, invitation tickets to performances, public presentation of cinematographic works, work displays or exhibitions.

(Quyền lợi vật chất khác là các lợi ích mà tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan được hưởng ngoài tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất như việc nhận giải thưởng, nhận sách biểu khi xuất bản, nhận vé mời xem chương trình biểu diễn, trình chiếu tác phẩm điện ảnh, trưng bày, triển lãm tác phẩm)

Article 4. The State’s policies on copyright and related rights

(Chính sách của Nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan)

1. Providing financial aids for purchase of copyright by regulatory agencies, which are tasked to popularize works, performances, phonograms, video recordings and broadcasts of ideological, scientific or artistic value for public interest, thus contributing to socioeconomic development.

(Hỗ trợ tài chính để mua bản quyền cho các cơ quan, tổ chức Nhà nước có nhiệm vụ phổ biến tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có giá trị tư tưởng, khoa học, giáo dục và nghệ thuật phục vụ lợi ích công cộng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội)

2. Prioritizing investment in training and retraining of officials and public employees engaged in the management and enforcement of copyright and related rights protection from central to local governments.

(Ưu tiên đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan từ trung ương đến địa phương)

3. Prioritizing investment and application of science and technology to protection of copyright and related rights.

(Ưu tiên đầu tư, ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan)

4. Promoting communication to raise public awareness of compliance with regulations on copyright and related rights. Intensifying the education of knowledge on copyright and related rights in schools and other educational institutions in conformity with each grade and level of education.

(Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Tăng cường giáo dục kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo)

5. Channeling more social funds to improve capacity of the copyright and related right protection system and meet requirements for socio-economic development and international integration.

(Huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư nâng cao năng lực hệ thống bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế)

Article 5. Roles of regulatory agencies in copyright and related rights

(Trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan)

1. The Government shall consistently perform state management of copyright and related rights.

(Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan)

2. The Ministry of Culture, Sports and Tourism shall be held accountable to the Government for state management of copyright and related rights and have the following duties and powers:

(Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, có nhiệm vụ và quyền hạn sau)

a) Formulate, promulgate and direct the implementation of strategies, laws, mechanisms and policies on protection of copyright and related rights.

(Xây dựng, ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan)

b) Take measures to protect lawful rights and interests of the State, organizations or individuals in the sector of protection of copyright and related rights.

(Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan)

c) Manage and exploit copyright of works, related rights of performances, phonograms and video recordings, broadcasts owned by the State; receive transfer of copyright of entities to the State as per the law.

(Quản lý, khai thác quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng thuộc về sở hữu nhà nước; nhận chuyển giao quyền tác giả của các tổ chức, cá nhân cho nhà nước theo quy định của pháp luật)

d) Provide guidelines for the supply, cooperation, placement of orders, use and assurance of copyright to works and related rights to performances, phonograms, video recordings or broadcasts.

(Hướng dẫn việc cung cấp, hợp tác, đặt hàng, sử dụng và đảm bảo quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng)

e) Provide training and refresher courses in copyright and related rights.

(Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về quyền tác giả, quyền liên quan)

f) Manage operation of designated collective representative of copyright and related rights (hereinafter referred to as designated collective representative), advisory organizations of copyright and related rights.

(Quản lý hoạt động của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan)

g) Issue, reissue, change, or cancel validity of copyright registration certificates and related right registration certificates.

(Cấp, cấp lại, đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan)

h) Compile and manage the national register of copyright and related rights.

(Lập và quản lý Sổ đăng ký quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan)

i) Publish and issue Official Gazettes on copyright and related rights.

(Xuất bản và phát hành Công báo về quyền tác giả, quyền liên quan)

k) Organize and direct the education, propagation and dissemination of knowledge, law, mechanisms, policies on copyright and related rights and the activities of supplying information and making statistics on copyright and related rights.

(Tổ chức, chỉ đạo hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, cơ chế, chính sách và hoạt động thông tin, thống kê về quyền tác giả, quyền liên quan)

l) Manage the assessment of copyright and related rights.

(Quản lý hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan)

m) Inspect, examine and take actions against violations of law on copyright and related rights; to settle complaints and denunciations about copyright and related rights.

(Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan)

n) Enter into international cooperation on copyright and related rights.

(Thực hiện hợp tác quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan)

3. Ministries, ministerial-level agencies, Governmental agencies shall, within their respective duties and powers, cooperate with the Ministry of Culture, Sports and Tourism in performing the state management of copyright and related rights.

(Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch trong việc quản lý nhà nước về quyền tác giả quyền liên quan)

4. A People's Committee of province or central-affiliated city (hereinafter referred to as province) shall perform state management of copyright and related rights in the province, with duties and powers below:
(Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương, có nhiệm vụ và quyền hạn sau)

a) Organize activities of protecting copyright and related rights in their localities; apply measures to protect legitimate rights and interests of the State, organizations or individuals in relation to copyright and related rights.

(Tổ chức các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương; thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân về quyền tác giả, quyền liên quan)

b) Inspect, examine and settle according to their competence complaints, denunciations and violations of legal provisions on copyright and related rights in the province.

(Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo, vi phạm các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương)

c) Perform other duties as per the law *(Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật)*

Chapter II **COPYRIGHT (QUYỀN TÁC GIẢ)**

Article 6. Authors and joint authors (Tác giả, đồng tác giả)

1. Author means a person who personally creates part of or the entire literary, artistic or scientific works.
(Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học)

2. Joint authors means persons who jointly create part of or the entire literary, artistic or scientific works.
(Đồng tác giả là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học)

3. Any person who renders supports, give comments or supply documents to others to create works shall not be recognized as author or joint author.

(Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả hoặc đồng tác giả)

Article 7. Works presented in other characters (Tác phẩm thể hiện dưới dạng ký tự khác)

A work presented in other characters specified at Point a, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works presented in Braille for the blind, shorthand signs and other similar signs instead of written languages, which can be reproduced or copied in different forms by interested parties.

(Tác phẩm thể hiện dưới dạng ký tự khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm thể hiện bằng chữ nổi cho người khiếm thị, ký hiệu tốc ký và các ký hiệu tương tự thay cho chữ viết mà các đối tượng tiếp cận có thể sao chép được bằng nhiều hình thức khác nhau)

Article 8. Copyright of lectures, addresses and other sermons (Quyền tác giả đối với bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác)

1. Lectures, addresses and other sermons specified at Point b, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law constitute a type of work presented in spoken languages and required to be fixed in certain material forms.

(Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm thể hiện bằng ngôn ngữ nói và phải được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định)

2. In case an author fixes his/her lectures, addresses and other sermons in the form of phonogram or video recording, he/she is entitled to copyright to such lectures, addresses and sermons and, at the same time, hold rights to such phonograms or video recordings according to Clause 2, Article 44 of the Intellectual Property Law.

(Trong trường hợp tác giả tự thực hiện việc định hình bài giảng, bài phát biểu, bài nói khác dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình, thì tác giả được hưởng quyền tác giả đối với bài giảng, bài phát biểu, bài nói khác, đồng thời là chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật sở hữu trí tuệ)

Article 9. Press works (Tác phẩm báo chí)

Press works prescribed in Point c Clause 1 Article 14 of the Intellectual Property Law means those with independent contents and completed structure, which take the following forms: reports, quick notes, news reports, interviews, features, investigative stories, commentaries, editorials, treatise, memoirs or other forms, which are published or transmitted on the print, phonogram, visual or online media or other media.

(Tác phẩm báo chí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm có nội dung độc lập và cấu tạo hoàn chỉnh, bao gồm các thể loại: Phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác)

Article 10. Musical works (Tác phẩm âm nhạc)

Musical works specified at Point d, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works presented in the form of musical notes in musical pieces or other musical characters or fixed in phonograms and video recordings, with or without lyrics, regardless of whether they are performed or not.

(Tác phẩm âm nhạc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm được thể hiện dưới dạng nhạc nốt trong bản nhạc hoặc các ký tự âm nhạc khác hoặc được định hình trên bản ghi âm, ghi hình có hoặc không có lời, không phụ thuộc vào việc trình diễn hay không trình diễn.)

Article 11. Copyright on dramatic works (Quyền tác giả đối với tác phẩm sân khấu)

1. Dramatic works specified at Point dd, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works of various performing arts, including: traditional operetta (cheo), classical drama (tuong), reformed opera (cai luong), puppetry, play, folk drama, drama, opera, circus, comedy, variety shows and other theatrical genres.

(Tác phẩm sân khấu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn, bao gồm: Chèo, tuồng, cải lương, múa rối, kịch nói, kịch dân ca, kịch hình thể, nhạc kịch, xiếc, tấu hài, tạp kỹ và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác)

2. Dramatic works are created by authors prescribed in Clause 1 Article 21 of the Intellectual Property Law.

(Tác phẩm sân khấu được sáng tạo bởi các tác giả quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật sở hữu trí tuệ)

3. The author is entitled to moral rights prescribed in Article 19 and economic rights prescribed in Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ.)

4. An author not also the copyright owner is entitled to moral rights prescribed in Clauses 1, 2 and 4 Article 19 of the Intellectual Property Law; an copyright owner is entitled to the rights prescribed in Clause 3 Article 19 and Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ; chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ)

5. The author and any entity providing financial aid, technical facilities to create the work may reach arrangements repair of the work.

(Tác giả và tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sáng tạo tác phẩm có thể thỏa thuận về việc sửa chữa tác phẩm)

Article 12. Copyright on cinematographic works (Quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh)

1. Cinematographic works and works created by a process analogous to cinematography specified at Point e, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works each viewed in movement, with or without soundtracks, and other means according to cinematographic language. Static images taken from a cinematographic work shall be regarded as part of such cinematographic work.

(Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm được thể hiện bằng hình ảnh động kết hợp hoặc không kết hợp với âm thanh và các phương tiện khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh. Hình ảnh tĩnh được lấy ra từ một tác phẩm điện ảnh là một phần của tác phẩm điện ảnh đó)

2. Cinematographic works are created by authors prescribed in Clause 1 Article 21 of the Intellectual Property Law.

(Tác phẩm điện ảnh được sáng tạo bởi các tác giả quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật sở hữu trí tuệ)

3. The author is entitled to moral rights prescribed in Article 19 and economic rights prescribed in Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ)

4. An author not also the copyright owner is entitled to moral rights prescribed in Clauses 1, 2 and 4 Article 19 of the Intellectual Property Law; an copyright owner is entitled to the rights prescribed in Clause 3 Article 19 and Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ; chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ)

5. The author and any entity providing financial aid, technical facilities to create the work may reach arrangements repair of the work.

(Tác giả và tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sáng tạo tác phẩm có thể thỏa thuận về việc sửa chữa tác phẩm)

Article 13. Plasticart works and works of applied art

(Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng)

1. Plasticart works specified at Point g, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works presented by lines, colors, three-dimensional figures or layouts, such as works of finearts, graphic

arts, sculpture, installation arts and similar forms of presentation, which are available in unique copies. Particularly, a work of graphic art may be presented in as many as 50 copies which are ordinarily numbered and bear the author's signature.

(Tác phẩm tạo hình quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục như: Hội họa, đồ họa, điêu khắc, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện tương tự, tồn tại dưới dạng độc bản. Riêng đối với loại hình đồ họa, có thể được thể hiện tới phiên bản thứ 50, được đánh số thứ tự có chữ ký của tác giả)

2. Works of applied arts specified at Point g, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works presented by lines, colors, three-dimensional figures or layouts, having useful features associated with useful objects, and being produced by hand or by machines, such as: graphic designs (expression of logo, identification system and packaging labels), fashion designs, product designs, interior design and decoration.

(Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục với tính năng hữu ích, có thể gắn liền với một đồ vật hữu ích, được sản xuất thủ công hoặc công nghiệp như: Thiết kế đồ họa (hình thức thể hiện của biểu trưng, hệ thống nhận diện và bao bì sản phẩm), thiết kế thời trang, tạo dáng sản phẩm, thiết kế nội thất, trang trí)

Article 14. Photographic works (Tác phẩm nhiếp ảnh)

Photographic works specified at Point h, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works showing images of the objective world on photosensitive materials or other media on which images are created or can be created by chemical, electronic or other technical methods. Photographic works may whether or not have captions.

(Tác phẩm nhiếp ảnh quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm thể hiện hình ảnh thế giới khách quan trên vật liệu bắt sáng hoặc trên phương tiện mà hình ảnh được tạo ra, hay có thể được tạo ra bằng các phương pháp hóa học, điện tử hoặc phương pháp kỹ thuật khác. Tác phẩm nhiếp ảnh có thể có chú thích hoặc không có chú thích)

Article 15. Copyright on architectural works (Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc)

1. Architectural works specified at Point i, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law means works of architectural type, including:

(Tác phẩm kiến trúc quy định tại điểm i khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm thuộc loại hình kiến trúc, bao gồm)

a) architectural design drawings of facilities or complex of facilities, interior and landscapes.

(Bản vẽ thiết kế kiến trúc về công trình hoặc tổ hợp các công trình, nội thất, phong cảnh.)

b) architectural facilities. *(Công trình kiến trúc)*

2. The author is entitled to moral rights prescribed in Article 19 and economic rights prescribed in Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ)

3. An author not also the copyright owner is entitled to moral rights prescribed in Clauses 1, 2 and 4 Article 19 of the Intellectual Property Law; an copyright owner is entitled to the rights prescribed in Clause 3 Article 19 and Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ; chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ)

4. The author and any entity providing financial aid, technical facilities to create the work may reach arrangements repair of the work.

(Tác giả và tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sáng tạo tác phẩm có thể thỏa thuận về việc sửa chữa tác phẩm)

Article 16. Sketches, plans, maps and drawings (Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ)

Sketches, plans, maps and drawings specified at Point k, Clause 1, Article 14 of the Intellectual Property Law include sketches, plans, maps and drawings related to topography, and various types of scientific and architectural works.

(Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ bao gồm họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, các loại công trình khoa học và kiến trúc)

Article 17. Copyright on computer programs (Quyền tác giả đối với chương trình máy tính)

1. The author is entitled to moral rights prescribed in Article 19 and economic rights prescribed in Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. An author not also the copyright owner is entitled to moral rights prescribed in Clauses 1, 2 and 4 Article 19 of the Intellectual Property Law; an copyright owner is entitled to the rights prescribed in Clause 3 Article 19 and Article 20 of the Intellectual Property Law.

(Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ; chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ.)

3. The author and any entity providing financial aid, technical facilities to create the computer programs may reach arrangements repair or upgrade of the computer programs.

(Tác giả và tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sáng tạo chương trình máy tính có thể thỏa thuận về việc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính.)

4. Any entity that has the lawful use right to a copy of a computer program may make one back-up copy for replacement in case the copy currently in use is lost, damaged or unusable.

(Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp bản sao chương trình máy tính có thể làm một bản sao dự phòng, để thay thế khi bản sao đó bị mất, bị hư hỏng hoặc không thể sử dụng được.)

Article 18. Folklore and folk art works (Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian)

1. Folklore and folk art works specified at Point a Clause 1, Article 23 of the Intellectual Property Law are types of verbal art.

(Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Luật sở hữu trí tuệ là các loại hình nghệ thuật ngôn từ.)

2. Folk literary and artistic works defined at Points b and c, Clause 1, Article 23 of the Intellectual Property Law, which are works in different genres of the art of performance such as classical drama (tuong), traditional operetta (cheo), reformed opera (cai luong), puppetry, theme song, music melody; dance, performance, folk game, village festival, and folk ritual.

(Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 23 của Luật sở hữu trí tuệ là các loại hình nghệ thuật biểu diễn như chèo, tuồng, cải lương, múa rối, điệu hát, làn điệu âm nhạc; điệu múa, vở diễn, trò chơi dân gian, hội làng, các hình thức nghi lễ dân gian.)

3. Folklore and folk art works specified at Points a, b and c, Clause 1, Article 23 of the Intellectual Property Law shall be protected regardless of their fixation.

(Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật sở hữu trí tuệ được bảo hộ không phụ thuộc vào việc định hình.)

4. The use of folklore and folk art works specified in Clause 2, Article 23 of the Intellectual Property Law means the research into, collection, performance and introduction of true values of such folklore and folk art works.

(Sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật sở hữu trí tuệ là việc sưu tầm, nghiên cứu, biểu diễn, giới thiệu giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.)

5. Reference to sources of folklore and folk art works mentioned in Clause 2, Article 23 of the Intellectual Property Law means the indication of origin, geographical areas inhabited by population communities where such folklore and folk art works are created.

(Dẫn chiếu xuất xứ loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật sở hữu trí tuệ là việc chỉ ra nguồn gốc, địa danh của cộng đồng cư dân nơi tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được hình thành.)

Article 19. Subject matters not covered by copyright protection

(Đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả)

1. News of the day as mere items of press information specified in Clause 1, Article 15 of the Intellectual Property Law means daily news briefs which are merely of informatory nature and contain no creative elements.

(Tin tức thời sự thuần túy đưa tin quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật sở hữu trí tuệ là các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, chỉ mang tính chất đưa tin không có tính sáng tạo.)

2. Administrative documents specified in Clause 2, Article 15 of the Intellectual Property Law include documents issued by state agencies, political organizations, socio-political organizations, socio-political-professional organizations, social organizations, socio-professional organizations, and people's armed forces units.

(Văn bản hành chính quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật sở hữu trí tuệ bao gồm văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.)

Article 20. Moral rights (Quyền nhân thân)

1. The right to title works is provided for in Clause 1, Article 19 of the Intellectual Property Law. This right shall not apply to works translated from one language into another.

(Quyền đặt tên cho tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ. Quyền này không áp dụng đối với tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác.)

2. The right to publish works or authorize other persons to publish works provided for in Clause 3, Article 19 of the Intellectual Property Law means the right of the author or copyright owner of a work or another individual or organization authorized by the author or copyright owner to make a work available to the public in a sufficient amount of copies to satisfy the reasonable demand of the public, depending on the nature of the work. Publication of a work does not mean the performance of a dramatic, cinematographic or musical work; public recitation of a literary work; broadcasting of a literary or artistic work; exhibition of a plastic work; or construction of structures based on an architectural work.

(Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao hợp lý để đáp ứng nhu cầu của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm, do tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc do cá nhân, tổ chức khác thực hiện với sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả. Công bố tác phẩm không bao gồm việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc.)

3. The right to protect the integrity of works and to prevent other persons from modifying or mutilating works provided for in Clause 4, Article 19 of the Intellectual Property Law means the right of the author of a work to prevent other persons from modifying or mutilating his/her work without his/her consent.

(Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả.)

Article 21. Economic rights (Quyền tài sản)

1. The right to perform works before the public provided for at Point b, Clause 1, Article 20 of the Intellectual Property Law means the exclusive right of copyright owners or their authorized persons to perform works either directly or through phonograms or video recordings or with whatever technical devices accessible by the public. Public performance of works means performance of works any place accessible to the public.

(Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện biểu diễn tác phẩm một cách trực tiếp hoặc thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được. Biểu diễn tác phẩm trước công chúng bao gồm việc biểu diễn tác phẩm tại bất cứ nơi nào mà công chúng có thể tiếp cận được.)

2. The right to reproduce works provided at Point c, Clause 1, Article 20 of the Intellectual Property Law means exclusive rights under copyright which are performed by copyright owners or their authorized persons to make copies of works by any means or in any form, including electronic ones.

(Quyền sao chép tác phẩm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử.)

3. The right to distribute original works or copies thereof provided for at Point d, Clause 1, Article 20 of the Intellectual Property Law means the exclusive right of copyright owners or their authorized persons in whatever forms or with the assistance of whatever technical devices accessible by the public to sell, lease or otherwise assign their original works or copies thereof.

(Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm.)

4. The right to communicate works to the public by wire or wireless means, electronic information networks or any other technical means provided for at Point dd, Clause 1, Article 20 of the Intellectual Property Law means the exclusive right of copyright holders or their authorized persons to make their works or copies thereof available to the public, in such a way that members of the public may access such works from a place and at a time they themselves select.

(Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 20 của Luật sở hữu trí

tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc đưa tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm đến công chúng mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.)

5. The right to lease original cinematographic works and computer programs or copies thereof provided for at Point e, Clause 1, Article 20 of the Intellectual Property Law means the exclusive right of copyright owners or their authorized persons to lease their works for use within a definite term.

(Quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính quy định tại điểm e khoản 1 Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc cho thuê để khai thác, sử dụng có thời hạn.)

6. The right to lease works shall not apply to computer programs which do not themselves constitute principal subject matters for lease, such as computer programs conducive to the normal operation of means of transport as well as other machines and technical devices.

(Quyền cho thuê đối với chương trình máy tính không áp dụng trong trường hợp bản thân chương trình đó không phải là đối tượng chủ yếu để cho thuê như chương trình máy tính gắn với việc vận hành bình thường các loại phương tiện giao thông hoặc các máy móc, thiết bị kỹ thuật khác.)

Article 22. Reproduction of works (Sao chép tác phẩm)

1. Duplication of works by their authors provided for at Point a, Clause 1, Article 25 of the Intellectual Property Law shall apply to the case of noncommercial scientific research or teaching by individuals.

(Tự sao chép một bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 của Luật sở hữu trí tuệ áp dụng đối với các trường hợp nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân không nhằm mục đích thương mại.)

2. Reprographic reproduction of works by libraries for archival and research purpose provided for at Point dd, Clause 1, Article 25 of the Intellectual Property Law means reproduction of no more than one copy of a work. Libraries must not reproduce and distribute copies of works, including digital copies, to the public.

(Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật sở hữu trí tuệ là việc sao chép không quá một bản. Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.)

Article 23. Reasonable recitation (Trích dẫn hợp lý tác phẩm)

Reasonable recitation of a work by a person without misrepresenting the author's views for commentary or illustrative purpose in his/her work as provided for at Point b, Clause 1, Article 25 of the Intellectual Property Law must satisfy the following conditions:

(Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 của Luật sở hữu trí tuệ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:)

1. The recited parts aim merely to introduce, comment or clarify matters touched upon in his/her work.

(Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề được đề cập trong tác phẩm của mình.)

2. The number and essence of parts recited from the work used for recitation are not prejudicial to the copyright to such work and suitable to the nature and characteristics of the type of work used for recitation.

(Phần trích dẫn từ tác phẩm được sử dụng để trích dẫn không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình tác phẩm được sử dụng để trích dẫn.)

Article 24. Term of protection granted to copyright of posthumous work (Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm di cảo)

The term of protection of moral rights specified in Clause 3, Article 19 and economic rights specified in Article 20 of the Intellectual Property Law for a posthumous work is fifty years as from the date of first publication.

(Thời hạn bảo hộ quyền nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm di cảo là năm mươi năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên.)

Article 25. Copyright owners (Chủ sở hữu quyền tác giả)

Copyright owners defined in Article 36 of the Intellectual Property Law include:

(Chủ sở hữu quyền tác giả quy định tại Điều 36 của Luật sở hữu trí tuệ bao gồm:)

1. Vietnamese organizations and individuals.

(Tổ chức, cá nhân Việt Nam.)

2. Foreign organizations and individuals that have works created and expressed in whatever material forms in Vietnam.

(Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam.)

3. Foreign organizations and individuals that have works first published in Vietnam.

(Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam.)

4. Foreign organizations and individuals that have works protected in Vietnam under international conventions to which Socialist Republic of Vietnam is a contracting party.

(Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.)

Article 26. Transfer of rights to anonymous works

(Chuyển nhượng quyền đối với tác phẩm khuyết danh)

The exercise of rights to anonymous works specified in Clause 2, Article 41, and Point a, Clause 1, Article 42 of the Intellectual Property Law is specified as follows:

(Việc hưởng quyền đối với tác phẩm khuyết danh quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật sở hữu trí tuệ được thực hiện như sau:)

1. Entities managing anonymous works may transfer rights to such works to others and are entitled to remuneration from such transfer.

(Tổ chức, cá nhân đang quản lý tác phẩm khuyết danh được chuyển nhượng quyền đối với tác phẩm khuyết danh cho tổ chức, cá nhân khác và được hưởng thù lao từ việc chuyển nhượng quyền đó.)

2. Entities that are transferred rights under Clause 1 of this Article are entitled to rights of owners until work authors are identified.

(Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng quyền của chủ sở hữu đến khi danh tính của tác giả được xác định.)

Article 27. Use of works under the state ownership (Sử dụng tác phẩm thuộc về Nhà nước)

1. A body placing an order, assigning duty or entering into a contract with an author of work funded by state budget shall be representative of state as well as copyright owner of the work.

(Tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo tác phẩm là đại diện Nhà nước - chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm đó.)

2. Users of works owned by the state, which are specified in Clause 1 of this Article, must obtain consent of the copyright owner and respect the moral rights provided for in Clauses 1, 2 and 4, Article 19 of the Intellectual Property Law.

(Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này phải được phép của chủ sở hữu quyền tác giả và tôn trọng quyền nhân thân theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ.)

3. Users of works owned by the state, which are specified in Point b and Point c Clause 1 Article 42 of the Intellectual Property Law, must respect the moral rights provided for in Clauses 1, 2 and 4, Article 19 of the Intellectual Property Law.

(Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật sở hữu trí tuệ phải tôn trọng quyền nhân thân theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ.)

4. When a regulatory body or entity detects acts of infringement upon copyright prescribed in Clause 2 and Clause 3 of this Article, the regulatory body or entity is entitled to request the competent authority to take actions as per the law.

(Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.)

Article 28. Use of works belonging to the public (Sử dụng tác phẩm thuộc về công chúng)

1. Users of works belonging to the public, which are specified in Article 43 of the Intellectual Property Law, must respect the moral rights provided for in Clauses 1, 2 and 4, Article 19 of the Intellectual Property Law.

(Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm thuộc về công chúng quy định tại Điều 43 của Luật sở hữu trí tuệ phải tôn trọng quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. When detecting acts of infringing upon the moral rights provided for in Clauses 1, 2 and 4, Article 19 of the Intellectual Property Law to works for which the term of protection has expired, state agencies, organizations and individuals that have related rights and obligations may request persons committing acts of infringement to stop such acts, make public apology or correction, and pay damages; may lodge complaints or denunciations or request competent state agencies to handle such acts.

(Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền nhân thân theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ đối với các tác phẩm đã kết thúc thời hạn bảo hộ thì có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai; có quyền khiếu nại, tố cáo, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.)

3. Socio-political professional organizations, socio-professional organizations, designated collective representative may request competent state agencies to protect the moral rights to works of their members for which the term of protection has expired.

(Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ các quyền nhân thân đối với những tác phẩm của Hội viên đã kết thúc thời hạn bảo hộ.)

Chapter III

RELATED RIGHTS (QUYỀN LIÊN QUAN)

Article 29. Rights of performers (Quyền của người biểu diễn)

1. The right to direct reproduction of performances which have been fixed on phonograms or video recordings according to the provisions of Point b, Clause 3, Article 29 of the Intellectual Property Law means the right of owner of performance in the making or authorized making of other copies from these phonograms or video recordings.

(Quyền sao chép trực tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra các bản sao khác từ bản ghi âm, ghi hình đó.)

2. The right to direct reproduction of performances which have been fixed on phonograms or video recordings according to the provisions of Point b, Clause 3, Article 29 of the Intellectual Property Law means the right of owner of performance in the making or authorized making of other copies from sources other than these phonograms and video recordings, such as broadcasts, websites, services of relevant post and telecommunications networks and similar media.

(Quyền sao chép gián tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra các bản sao khác không từ bản ghi âm, ghi hình đó như việc sao chép từ chương trình phát sóng, mạng thông tin điện tử, viễn thông và các hình thức tương tự khác.)

3. The right to public communication by other modes of unfixed performances specified at Point c, Clause 3, Article 29 of the Intellectual Property Law means the right of owner of public distribution to exclusive or authorized making of unfixed performances by whatever technical modes other than transmission.

(Quyền truyền theo cách khác đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc phổ biến cuộc biểu diễn chưa được định hình đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào ngoài phát sóng.)

Article 30. Reasonable recitation of performances, phonograms and video recordings, broadcasts **(Trích dẫn hợp lý cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng)**

1. Reasonable recitation for informatory purpose specified at Point c, Clause 1, Article 32 of the Intellectual Property Law means the use of quotations for merely informatory purpose.

(Trích dẫn hợp lý nhằm mục đích cung cấp thông tin theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 của Luật sở hữu trí tuệ là việc sử dụng các trích đoạn nhằm mục đích thuần túy đưa tin.)

2. The reasonable recitation prescribed in Clause 1 of this Article and must satisfy the following conditions

(Việc trích dẫn hợp lý quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:)

a) Recited parts aim only to introduce, comment or clarify some matters in the supplied information;

(Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề trong việc cung cấp thông tin.)

b) The parts recited from performances, phonograms, video recordings or broadcasts are not prejudicial to the rights of performers, the rights of producers of phonograms or video recordings, the rights of broadcasting organizations to their performances, phonograms, video recordings or broadcasts used for recitation; and are suitable to the nature and characteristics of performances, phonograms, video recordings or broadcasts used for recitation.

(Phần trích dẫn từ cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, quyền của tổ chức phát

sóng đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sử dụng để trích dẫn.)

Article 31. Provisional copies (Bản sao tạm thời)

Provisional copies specified at Point d, Clause 1, Article 32 of the Intellectual Property Law means copies fixed for a definite term by broadcasting organizations with their instruments and equipment to serve their own coming-up broadcasting sessions. In special cases, such copies shall be stored at an official archive center.

(Bản sao tạm thời quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Luật sở hữu trí tuệ là bản định hình có thời hạn, do tổ chức phát sóng thực hiện bằng các phương tiện thiết bị của mình, nhằm phục vụ cho buổi phát sóng ngay sau đó của chính tổ chức phát sóng. Trong trường hợp đặc biệt thì bản sao đó được lưu trữ tại trung tâm lưu trữ chính thức.)

Article 32. Use of phonograms and video recordings (Sử dụng bản ghi âm, ghi hình)

1. Direct use of phonograms or video recordings already published for commercial purposes in making broadcasts which are sponsored, advertised or charged in whatever form specified at Point a, Clause 1, Article 33 of the Intellectual Property Law means the transmission by broadcasting organizations of such phonograms or video recordings by wire or wireless means, including the transmission by satellites or in digital environment.

(Sử dụng trực tiếp bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại để thực hiện chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ là việc tổ chức phát sóng dùng chính bản ghi âm, ghi hình đó để phát sóng bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, môi trường kỹ thuật số.)

2. Indirect use of phonograms or video recordings already published for commercial purposes in making broadcasts which are sponsored, advertised or charged in whatever form specified at Point a, Clause 1, Article 33 of the Intellectual Property Law means the relay or retransmission of transmitted broadcasts; or putting of broadcasts in digital environment on air.

(Sử dụng gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại để thực hiện chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ là việc tiếp sóng, phát lại chương trình đã phát sóng; chuyển chương trình trong môi trường kỹ thuật số lên sóng.)

3. Use of phonograms or video recordings already published in business or commercial activities specified at Clause 2, Article 33 of the Intellectual Property Law means the direct or indirect use by organizations or individuals of published phonograms or video recordings in restaurants, hotels, shops and department stores; in establishments providing karaoke, post, telecommunications or digital environment services; in tourist, aviation, and mass transit activities.

(Sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã được công bố trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ là việc tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã được công bố để sử dụng tại nhà hàng, khách sạn, cửa hàng, siêu thị; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ bưu chính, viễn thông, môi trường kỹ thuật số; trong các hoạt động du lịch, hàng không, giao thông công cộng.)

4. When phonograms or video recordings are used as specified in Article 33 of the Intellectual Property Law, performers shall enjoy remunerations on the basis of agreements made with producers or in the course of producing such phonograms or video recordings.

(Việc hưởng tiền thù lao của người biểu diễn trong trường hợp bản ghi âm, ghi hình được sử dụng theo quy định tại Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ tùy thuộc vào thỏa thuận của người biểu diễn với nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình khi thực hiện chương trình ghi âm, ghi hình.)

Article 33. Use of broadcasts (Sử dụng chương trình phát sóng)

1. Owners of broadcasts specified in Clause 3, Article 44 of the Intellectual Property Law means broadcasting organizations which invest their finance and material-technical facilities in broadcasting activities, unless otherwise agreed.

(Chủ sở hữu chương trình phát sóng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật sở hữu trí tuệ là tổ chức phát sóng đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để phát sóng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.)

2. When using works, phonograms or video recordings for the production of broadcasts, broadcasting organizations shall have to perform obligations toward copyright holders and related rights holders according to the provisions of law.

(Khi sử dụng các tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình để sản xuất chương trình phát sóng, tổ chức phát sóng phải thực hiện nghĩa vụ với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định pháp luật.)

3. Entities that relay, re-broadcast or transmit via telecommunications or electronic communication networks or in any technical media broadcasts of other broadcasting organizations under Points a and b, Clause 1, Article 31 of the Intellectual Property Law shall comply with relevant agreements and laws. Any modification, mutilation or supplementation of broadcasts of other broadcasting organizations for re-broadcasting or transmission via telecommunications or electric communication networks or in any technical media must be agreed by owners of such broadcasts.

(Tổ chức, cá nhân sử dụng chương trình phát sóng của tổ chức phát sóng khác theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật sở hữu trí tuệ để tái phát sóng hoặc truyền trên mạng viễn thông, thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào thực hiện theo thỏa thuận và các quy định pháp luật liên quan. Việc sửa đổi, cắt xén, bổ sung chương trình phát sóng của tổ chức phát sóng khác để tái phát sóng hoặc truyền trên mạng viễn thông, thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác phải có sự thỏa thuận với chủ sở hữu chương trình phát sóng.)

Chapter IV

COPYRIGHT AND RELATED RIGHTS REGISTRATION

(ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN)

Article 34. Procedures for registration of copyright and related rights

(Thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan)

1. Authors and owners of copyright and related rights may directly or authorize other entities to submit a set of application for registration of copyright or related rights to the headquarters of the Copyright Office of Vietnam, representatives offices of the Copyright Office of Vietnam in Ho Chi Minh City or Da Nang city affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism. Dossiers may be sent by post.

(Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả hoặc Văn phòng đại diện của Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng). Hồ sơ có thể gửi qua đường bưu điện.)

2. Foreign entities whose works, performances, phonograms, video recordings or broadcasts are covered by copyright and related rights protection specified in Clause 2, Article 13 and Article 17 of the Intellectual Property Law may directly file applications for copyright and related rights registration with the Copyright Office of Vietnam in Ho Chi Minh City or Da Nang city affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism, or authorize copyright and related rights consultancy or service organizations to do so.

(Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm, chương trình biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 13 và Điều 17 của Luật sở hữu trí tuệ trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả hoặc Văn phòng đại diện của Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng).)

Article 35. Issuance, re-issuance, change, or invalidation of copyright registration certificates and related right registration certificates

(Cấp, cấp lại, đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan)

1. The Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism is competent to issue, re-issue and invalidate copyright registration certificates and related rights registration certificates specified in Clauses 1 and 2, Article 51 of the Intellectual Property Law.

(Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) có thẩm quyền cấp, cấp lại, đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. Copyright registration certificates and related rights registration certificates shall be issued as prescribed in Articles 49 and 50 of the Intellectual Property Law.

(Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật sở hữu trí tuệ.)

3. Copyright registration certificates and related rights registration certificates shall be re-issued in a case where they are lost or torn.

(Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp lại trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị mất hoặc rách nát.)

4. Copyright registration certificates and related rights registration certificates shall be changed in a case of changes to copyright owners or related right owners or changes to authors, owners of copyright, related rights, work, performance, phonogram and video recordings, broadcast.

(Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp đổi trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thay đổi thông tin về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.)

5. Copyright registration certificates and related rights registration certificates shall be invalidated as prescribed in Clause 2 and Clause 3 Article 55 of the Intellectual Property Law.

(Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 55 của Luật sở hữu trí tuệ.)

6. The Ministry of Culture, Sports and Tourism stipulates forms of registration of copyright or related rights, copyright registration certificates, and related right registration certificates as prescribed in Point a Clause 2 Article 50 and Clause 4 Article 51 of the Intellectual Property Law.

(Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu Tờ khai đăng ký quyền tác giả, Tờ khai đăng ký quyền liên quan, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 và khoản 4 Điều 51 của Luật sở hữu trí tuệ.)

Article 36. Application for issuance, re-issuance, or change of copyright registration certificates and related right registration certificates

(Hồ sơ cấp, cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan)

1. Applications for copyright registration certificates and related rights registration certificates are prescribed in Articles 50 of the Intellectual Property Law.

(Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan quy định tại Điều 50 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. An author, copyright owner or related right owner seeking re-issuance of a copyright registration certificate or related rights registration certificate shall file an application form for registration of copyright or related right (using the prescribed form), 2 copies of the work or 2 copies of performance, phonogram and video recording, or broadcast.

(Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan nộp Tờ khai đăng ký quyền tác giả hoặc Tờ khai đăng ký quyền liên quan (theo mẫu), 02 bản sao tác phẩm hoặc 02 bản sao cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.)

3. An author, copyright owner or related right owner seeking change of a copyright registration certificate or related rights registration certificate shall file an application form for registration of copyright or related right (using the prescribed form), 2 copies of the work or 2 copies of performance, phonogram and video recording, or broadcast; documentation evidencing the change and return the former copyright registration certificate or related rights registration certificate.

(Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan nộp Tờ khai đăng ký quyền tác giả hoặc Tờ khai đăng ký quyền liên quan (theo mẫu); 02 bản sao tác phẩm hoặc 02 bản sao cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; tài liệu chứng minh sự thay đổi và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp.)

Article 37. Time limit for issuance, re-issuance, or change of copyright registration certificates and related right registration certificates

(Thời hạn cấp, cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan)

1. Time limit for issuance of copyright registration certificates and related rights registration certificates are prescribed in Articles 52 of the Intellectual Property Law.

(Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan quy định tại Điều 52 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. Within 7 working days from the date on which a satisfactory application is received, the Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism shall re-issue a copyright registration certificate or related rights registration certificate.

(Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.)

3. Within 12 working days from the date on which a satisfactory application is received, the Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism shall change the copyright registration certificate or related right registration certificate.

(Trong thời hạn mười hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.)

4. If the application for re-issuance or change is refused, the Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism shall give a notice to the applicant.

(Trường hợp từ chối cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.)

Article 38. Copies of works registered for copyright, copies of fixations of objects registered for related rights

(Bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả, bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan)

1. The Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism is responsible for keeping 1 copy of a work registered for copyright or an object registered for related rights; 1 copy of a work registered for copyright or an object registered for related rights bearing the certificate number, and then returning it to the holder as prescribed in Point b Clause 2 Article 50 of the Law on Intellectual Property.

(Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) có trách nhiệm lưu giữ 01 bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc 01 bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan; 01 bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc 01 bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan được đóng dấu ghi số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan gửi trả lại cho tổ chức, cá nhân được cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. Copies of works registered for copyright specified at Point b, Clause 2, Article 50 of the Intellectual Property Law may be substituted by three-dimensional photos thereof, for works with particular features, such as paintings, statues, monuments, bas reliefs or murals attached to architectures; and oversized works.

(Bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 của Luật sở hữu trí tuệ được thay thế bằng ảnh chụp không gian ba chiều đối với những tác phẩm có đặc thù riêng như tranh, tượng, tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng gắn với công trình kiến trúc; tác phẩm có kích thước quá lớn, công kênh.)

Article 39. Invalidation of copyright registration certificates and related rights registration certificates

(Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan)

1. The Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism is competent to invalidate copyright registration certificates and related rights registration certificates in circumstances specified in Clauses 2 and 3, Article 55 of the Intellectual Property Law.

(Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) có thẩm quyền hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 55 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. Within 15 working days from receipt of one of the following documents, the Copyright Office of Vietnam affiliated to the Ministry of Culture, Sports and Tourism shall issue a decision on invalidation of the copyright registration certificate or related rights registration certificate:

(Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ khi nhận được một trong các giấy tờ dưới đây, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) ra quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:)

a) An effective judgment/decision of court or decision of competent authority on actions against infringements prescribed in Article 200 of the Intellectual Property Law in terms of invalidation of the copyright registration certificate or the related rights registration certificate.

(Bản án, Quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc Quyết định của cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quy định tại Điều 200 của Luật sở hữu trí tuệ về việc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.)

b) A document of holder of copyright registration certificate or the related rights registration certificate which applies for invalidation of such certificate.

(Văn bản của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã được cấp.)

Article 40. Fees for registration of copyright and related rights

(Phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan)

Upon registration of copyright or related rights, the applicant must pay a certain amount of fee as per the law.

(Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp phí khi tiến hành thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật.)

Article 41. Validity of copyright registration certificates and related rights registration certificates

(Hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan)

Various kinds of copyright certificates and related rights registration certificates granted by the Copyright Protection Firm of Vietnam, the Copyright Protection Agency of Vietnam, Literature – Art Copyright Office or the Copyright Office of Vietnam shall continue to be valid.

(Các loại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan do Hãng Bảo hộ quyền tác giả Việt Nam, Cơ quan Bảo hộ quyền tác giả Việt Nam, Cục Bản quyền tác giả Văn học - Nghệ thuật, Cục Bản quyền tác giả cấp vẫn tiếp tục được duy trì hiệu lực.)

Chapter V

DESIGNATED COLLECTIVE REPRESENTATIVE, COPYRIGHT AND RELATED RIGHTS CONSULTANCY

(TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN TẬP THỂ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN)

Article 42. Designated collective representative

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan)

A designated collective representative specified in Clause 1, Article 56 of the Intellectual Property Law must perform in conformity with its operation and authorization contract between the copyright owner, related right owner and the designated collective representative in terms of management of a right or a group of specific rights.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật sở hữu trí tuệ thực hiện đúng phạm vi, chức năng hoạt động và hợp đồng ủy quyền giữa chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan về việc quản lý một quyền hoặc một nhóm quyền cụ thể.)

Article 43. Royalties, remunerations, material benefits

(Biểu mức tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất)

1. The designated collective representative shall make a schedule of royalties, remunerations and material benefits prescribed in Clause 3 Article 20, Clause 4 Article 29 of the Intellectual Property Law and material benefits prescribed in Clause 2 Article 30, Clause 2 Article 31 of the Intellectual Property Law.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng Biểu mức tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 4 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ và quyền lợi vật chất quy định tại khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31 của Luật sở hữu trí tuệ.)

2. Users of works, phonogram and video recordings, broadcasts prescribed in Clause 1 Article 26, Clause 1 and Clause 2 Article 33 of the Intellectual Property Law are obliged to contact copyright owner or related right owner or designated collective representative directly in terms of the use thereof. If the copyright owner or related right owner cannot be directly contacted, the user of the work, phonogram or video recording, broadcast shall make a notice by means of mass media.

(Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ có nghĩa vụ liên lạc trực tiếp với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan về việc khai thác, sử dụng. Trường hợp không liên lạc trực tiếp được với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thì tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm ghi hình, chương trình phát sóng phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.)

3. The user of work, performance, phonogram or video recording, broad and designated collective representative shall reach an agreement on sums of royalties, remunerations, material benefits and methods of payment.

(Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm thỏa thuận về mức tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất và phương thức thanh toán.)

4. Royalties, remunerations and material benefits shall be determined according to the following rules:

(Nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất được xác định theo các nguyên tắc sau:)

a) Payment of royalties, remunerations and material benefits must assure the interests of authors, users and the public and suit national socio-economic conditions.

(Việc trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất phải bảo đảm lợi ích của người sáng tạo, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.)

b) The sums of royalties, remunerations and material benefits depends on the category, form, quality, quantity or use frequency of works.

(Mức tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất được xác định căn cứ vào thể loại, hình thức, chất lượng, số lượng hoặc tần suất khai thác, sử dụng.)

c) Joint copyright owners, joint related right owners shall reach an agreement on distribution of royalties and remunerations in conformity with extent of creativity in accordance with the use.

(Các đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan thỏa thuận về tỷ lệ phân chia tiền nhuận bút, thù lao theo mức độ sáng tạo, phù hợp với hình thức khai thác, sử dụng.)

d) The sums of royalties, remunerations, material benefits shall be determined according to a written contract as per the law.

(Mức tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất được xác định trong hợp đồng bằng văn bản theo quy định pháp luật.)

Article 44. Collection and distribution of royalties, remunerations, material benefits

(Thu, phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất)

1. The collection and distribution of royalties, remunerations, material benefits shall be carried out in accordance with the charter of designated collective representative and authorization document of

copyright owner or related right owner with agreement on the sum or percentage, methods and time for distribution of royalties, remunerations, material benefits.

(Việc thu, phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thỏa thuận về mức hoặc tỷ lệ phần trăm, phương thức và thời gian phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất.)

2. The collection and distribution of royalties, remunerations, material benefits are conducted by designated collective representative in accordance with rules of publicity and transparency associated with works, performances, phonogram and video recordings, and broadcasts as per the law.

(Việc thu, phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.)

3. In case a work, phonogram, video recording or broadcast is related to the rights and interests of many designated collective representatives of specific rights or groups of rights, the involved parties may agree to designate one of them to negotiate on their behalf on the grant of use licenses, collect and distribute money according to the charter and authorization document.

(Trong trường hợp tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều tổ chức đại diện tập thể được ủy quyền đại diện cho một quyền, nhóm quyền cụ thể, các tổ chức có thể thỏa thuận để một tổ chức thay mặt đàm phán cấp phép sử dụng, thu và phân chia tiền theo Điều lệ và văn bản ủy quyền.)

4. The collection and distribution of royalty, remuneration and material benefits from corresponding foreign or international organizations comply with foreign exchange management regulations.

(Việc thu, phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất từ các tổ chức tương ứng của nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối.)

Article 45. Exploitation and use of phonograms and video recordings

(Khai thác, sử dụng bản ghi âm, ghi hình)

1. Direct or indirect users of phonograms and video recordings prescribed in Clause 1 and Clause 2 Article 33 of the Intellectual Property Law must pay royalties, remunerations, material benefits to copyright owners or related right owners.

(Tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ phải trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.)

2. Designated collective representatives may reach an agreement, authorize the negotiation, collect royalties, remunerations, material benefits as per the law. Proportion of royalties, remunerations, material benefits shall be agreed by the above-mentioned bodies.

(Các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có thể thỏa thuận, thống nhất, ủy quyền đàm phán, thu tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất thu được do các tổ chức này tự thỏa thuận.)

3. The designated collective representative, which enters into an authorization contract with another body for negotiation and collection of royalties, remunerations, and material benefits, shall make a list of members, works, phonograms and video recordings, broadcasts or members.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ủy quyền có trách nhiệm xây dựng danh mục hội viên, tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng của hội viên và chịu trách nhiệm khi

ký hợp đồng ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan nhận ủy quyền đại diện đàm phán thỏa thuận, thu tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất.)

4. The authorized body may solely engage in negotiation and collection of royalties, remunerations, and material benefits according to the said list of members, works, phonograms and video recordings, broadcasts or members.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan nhận ủy quyền chỉ có trách nhiệm đàm phán thỏa thuận thu tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất theo danh mục hội viên, tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được quy định tại hợp đồng ủy quyền.)

Article 46. Managerial information of copyright and related rights

(Thông tin quản lý quyền tác giả, quyền liên quan)

A designated collective representative shall disclose information below on its website:

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức mình về các nội dung:)

1. Name of author, copyright owner, related right owner.

(Tên tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.)

2. In case of individuals: Date of birth; year of death (if any).

In case of organizations: Date of establishment; year of dissolution (if any).

(Đối với cá nhân: Ngày, tháng, năm sinh; năm chết (nếu có).

Đối với tổ chức: Ngày, tháng, năm thành lập; năm giải thể (nếu có).)

3. Name of work, subject matter of related rights (performance; phonogram and video recording; broadcast).

(Tên tác phẩm, tên đối tượng quyền liên quan (cuộc biểu diễn; bản ghi âm, ghi hình; chương trình phát sóng).)

4. Content of work; performance; phonogram and video recording; broadcast.

(Nội dung tác phẩm; nội dung cuộc biểu diễn; nội dung bản ghi âm, ghi hình; nội dung chương trình phát sóng.)

5. Area of authorization; entry into force of authorization contract.

(Phạm vi ủy quyền; hiệu lực hợp đồng ủy quyền.)

6. Licensing, collection and distribution of royalties, remunerations, material benefits.

(Hoạt động cấp phép, thu và phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất.)

7. Activities of designated collective representatives.

(Hoạt động của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.)

8. Relevant information.

(Các thông tin liên quan khác.)

Article 47. Reporting (Thực hiện chế độ báo cáo)

1. Designated collective representative shall report to the Ministry of Culture, Sports and Tourism, the Ministry of Home Affairs, the Ministry of Finance and governing body on any amendment to charter, operation regulations; systems of financial management; change of leaders; participation in international organizations; other foreign affairs; schedules, methods of payment of royalties, remunerations, material

benefits; long-term and annual plans; financial performance, signing of authorization contracts, contracts for authorization of such use; collection, sums, methods of distribution of royalties, remunerations, material benefits; and relevant activities.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện chế độ báo cáo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy chế hoạt động; cơ chế quản lý tài chính; thay đổi nhân sự lãnh đạo; tham gia các tổ chức quốc tế; các hoạt động đối ngoại khác; biểu giá, phương thức thanh toán nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất; chương trình kế hoạch dài hạn và hàng năm; tình hình hoạt động, ký hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cấp phép sử dụng; hoạt động thu, mức thu, phương thức phân phối, cách thức thực hiện việc phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất; các hoạt động liên quan khác.)

Any modifications to the charter must be reported to competent authorities for approval before being made.

(Trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.)

2. The designated collective representative shall build a website which links to copyright and related right authority and designated collective representatives.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng trang thông tin điện tử, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan và các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.)

3. The designated collective representative shall build a database system, which links to the national database system in respect of copyright and related rights.

(Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có hệ thống cơ sở dữ liệu quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức mình, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan.)

Article 48. Copyright and related rights consultancies

(Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan)

Copyright and related right consultancies prescribed in Clause 1 Article 57 of the Intellectual Property Law include:

(Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật sở hữu trí tuệ bao gồm:)

1. Enterprises incorporated and operating under law on enterprises.

(Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp.)

2. Cooperatives and unions of cooperatives incorporated and operating under law on cooperatives.

(Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo pháp luật về hợp tác xã.)

3. Public sector entities.

(Đơn vị sự nghiệp.)

4. law-practicing organizations incorporated and operating under law on lawyers, except for branches of foreign law-practicing organization, wholly foreign-owned limited liability law firms, limited liability company law firms under joint ventures between law-practicing organization(s) of Vietnam and foreign law-practicing organization(s).

(Các tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo pháp luật về luật sư, trừ chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh giữa tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.)

Chapter VI
IMPLEMENTATION (ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH)

Article 49. Protection of copyright and related rights

(Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan)

1. A copyright owner or related right owner may, in person or authorize the designated collective representative or another entity to protect his/her copyright or related rights. The authorized party shall disclose information to enable users of the work, performance, phonogram or video recording, or broad to contact and reach an agreement on use.

(Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trực tiếp hoặc có thể ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc tổ chức, cá nhân khác để thực hiện và bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình. Bên được ủy quyền có trách nhiệm thông tin công khai để các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng liên hệ thỏa thuận về việc khai thác, sử dụng.)

2. The user of works, audio and video recordings, broadcasts is obliged to contact copyright owner or related right owner or authorized party to reach an agreement on the use as prescribed in law on copyright and related rights.

(Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có nghĩa vụ liên hệ với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc bên được ủy quyền để thỏa thuận về việc khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.)

3. Any dispute over copyright and related rights shall be settled in accordance with law on civil procedures or arbitrators.

(Tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự hoặc trọng tài.)

Article 50. Entry into force (Hiệu lực thi hành)

1. This Decree comes into force as of April 10, 2018.

(Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018.)

2. The following documents shall cease to be effective as of the entry into force of this Decree:

(Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:)

a) Government's Decree No. 100/2006/ND-CP dated September 21, 2006 on guidelines for certain number of articles of the Civil Code and the Intellectual Property Law regarding the copyright and related rights;

(Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;)

b) Government's Decree No. 85/2011/ND-CP dated September 20, 2011 on amendments to certain number of articles of Decree No. 100/2006/ND-CP dated September 21, 2006 on guidelines for certain number of articles of the Civil Code and the Intellectual Property Law regarding the copyright and related rights.

(Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.)

Article 51. Implementation (Trách nhiệm thi hành)



1. The Minister of Culture, Sports and Tourism shall provide guidelines and implement this Decree.
(Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định này.)

2. Ministers, heads of ministerial-level agencies, and Heads of Governmental agencies, Presidents of People's Committees of provinces, and relevant entities shall implement this Decree./.
(Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.)

**ON BEHALF OF THE GOVERNMENT
PRIME MINISTER
(TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG)**

Nguyen Xuan Phuc